

Bản án số: 53/2022/HS-ST
Ngày 28-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Mạnh và ông Vũ Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc M, sinh năm 1968 tại xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: sửa chữa xe máy; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trần Đình H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

- Người làm chứng:

Cháu Vũ Kim Q, sinh ngày 04/11/2004.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc M mở cửa hàng kinh doanh Ngọc Minh tại thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương, chuyên sửa chữa, mua bán xe máy. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, ngoài việc mua bán, sửa chữa xe máy, Nguyễn Quốc M còn thực hiện cho vay lãi nặng dưới hình thức cầm đồ với mức lãi suất từ 108,3% đến 109,5%/1 năm.

Chiều ngày 29/11/2021, anh Trần Đình H đến gặp M hỏi vay 200.000.000 đồng. M đồng ý cho H vay trong thời gian từ 29/11/2021 đến 29/12/2021, thỏa thuận mức lãi suất là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, đồng thời anh H phải để lại 01 đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato BKS 34A-509.41, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe và chứng M nhân dân của anh H. M đưa tờ giấy biên nhận vay tiền để anh H tự điền các thông tin cá nhân và ký xác nhận rồi đưa lại cho M cùng toàn bộ giấy tờ xe ô tô trên. Sau khi anh H viết giấy biên nhận và đưa toàn bộ giấy tờ, M cho anh H vay 200.000.000 đồng nhưng trừ 18.000.000 tiền lãi, M đưa cho anh H 182.000.000 đồng. Đến ngày 29/12/2021, do chưa có tiền trả nên anh H đến gặp M xin gia hạn thời hạn vay số tiền trên thêm 01 tháng, kể từ 29/12/2021 đến ngày 29/01/2022, M đồng ý và yêu cầu anh H phải trả 18.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày). Anh H trả cho M 18.000.000 đồng tiền lãi, đồng thời tiếp tục viết giấy biên nhận vay tiền của M. Ngày 29/01/2022, anh H tiếp tục đến gặp M xin gia hạn thời hạn trả tiền đến ngày 28/02/2022, M đồng ý. M vẫn tính lãi 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng là 18.000.000 đồng. Do không có tiền mặt nên anh H sử dụng số tài khoản 2506198499999 – Ngân hàng TMCP Quân đội (chủ tài khoản là chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1984, là vợ anh H) chuyển 20.000.000 đồng đến số tài khoản 0385632635 – Ngân hàng TMCP Quân đội của M, trong đó 18.000.000 đồng là tiền lãi, còn số tiền 2.000.000 anh H cho M ăn tết. Ngày 28/02/2022, anh H trả M 100.000.000 đồng tiền gốc, số còn lại 100.000.000 đồng anh H tiếp tục xin gia hạn trả nợ, M đồng ý. Anh H trả cho M 9.000.000 đồng tiền lãi, hẹn đến ngày 28/3/2022 sẽ trả M nốt nợ gốc.

Chiều ngày 28/02/2022, anh Nguyễn Tiến D điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS 34F1-322.27 đến cửa hàng của M để thế chấp xe vay tiền. Khi đến, anh D gặp hỏi vay của M 10.000.000 đồng, thời hạn 10 ngày, M đồng ý cho anh D vay với mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, đồng thời yêu cầu anh D thế chấp xe mô tô BKS 34F1-322.27 cùng giấy tờ, anh D đồng ý. M đưa cho anh D giấy biên nhận vay tiền mặt để anh D tự điền thông tin cá nhân và ký xác nhận. Sau khi viết xong giấy biên nhận, anh D đưa cho M căn cước công dân, xe mô tô BKS 34F1-322.27 kèm theo đăng ký xe, M đưa cho anh D 9.500.000 đồng, M thu số tiền lãi 500.000 đồng trước, khi nào trả tiền thì M sẽ trả lại xe và giấy tờ.

Hồi 09 giờ 55 phút ngày 09/3/2022, anh D đến gặp M trả 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận, M trả lại anh D xe mô tô và giấy tờ. Ngay lúc đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang phát hiện lập biên bản. Thu giữ: 01 giấy biên nhận vay tiền mặt đề tên người vay là Nguyễn Tiến D, số tiền vay là 10.000.000 đồng, thời gian vay từ 28/2/2022 đến 09/3/2022; 01 căn cước công dân mang tên

Nguyễn Tiến D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 34F1-322.27; Số tiền 10.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 34 F1- 322.27; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, BKS 34A-509.41; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Kia Cerato BKS 34A-509.41; 01 chứng M thư nhân dân mang tên Trần Đình H; 01 giấy biên nhận vay tiền đề tên người vay là Trần Đình H, đề số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ 29/11/2021 đến 29/12/2021, 01 giấy biên nhận vay tiền đề tên người vay là Trần Đình H, đề số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ 29/12/2021 đến 29/01/2022. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết trên các giấy biên nhận vay tiền đã thu giữ, xác định chữ viết, chữ ký đúng là do anh Nguyễn Tiến D viết trên giấy vay tiền mặt đề tên người vay là Nguyễn Tiến D; chữ viết, chữ ký đúng là do anh Trần Đình H viết trên 02 giấy vay tiền mặt đề tên người vay là Trần Đình H.

Theo Công văn số 82/NHNo BG-KTNQ ngày 18/3/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định mức lãi suất cho vay trong các trường hợp Nguyễn Quốc M cho những người vay tiền như sau:

Khoản vay 200.000.000 đồng từ ngày 29/11/2021 đến 28/02/2022 thu tiền lãi 54.000.000 đồng thì mức lãi suất tương ứng là 108,3%/năm; lãi được hưởng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 9.972.603 đồng.

Khoản vay 100.000.000 đồng từ ngày 28/02/2022 đến 09/3/2022, mức lãi thỏa thuận 3.000 đồng/1 triệu/ ngày, tương ứng với mức lãi suất là 109,5%/năm, lãi được hưởng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 493.151 đồng.

Khoản vay 10.000.000 đồng từ 28/02/2022 đến ngày 09/3/2022 trả lãi 500.000 đồng thì mức lãi suất tương ứng là 202,78%; lãi được hưởng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 49.315 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 04/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc M từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng là tiền gốc bị cáo cho anh Nguyễn Tiến D vay; Tịch thu 150.000.000 đồng và số tiền 10.021.918 đồng (tiền lãi 20%/1năm) là tiền do M phạm tội mà có.

Truy thu, nộp ngân sách nhà nước của anh Trần Đình H số tiền 50.000.000 đồng là tiền gốc vay chưa trả bị cáo M.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS, buộc bị cáo M trả anh Nguyễn Tiến D số tiền 450.685 đồng; trả anh Trần Đình H số tiền 44.027.397 đồng (tiền lãi vượt quá 20%/1 năm)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận thực hiện hành vi cho vay lấy lãi với số tiền cho vay, lãi suất cho vay và các tình tiết khác như nêu trên. Đối với số tiền lãi thu được từ cho vay, bị cáo đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Bị cáo nhất trí với nội dung bản Cáo trạng, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, riêng mức xử phạt tiền Viện kiểm sát đề nghị là nặng, bị cáo khó có khả năng nộp và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ. Ngoài ra bị cáo cũng nhất trí trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh H và anh D vắng mặt nhưng có lời khai tại giai đoạn điều tra xác định đã vay tiền của bị cáo M với nội dung, tình tiết của sự việc vay như nêu trên, mục đích vay tiền là sử dụng vào việc cá nhân, không vi phạm pháp luật. Anh H, anh D yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại phần tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm). Ngoài ra, anh H còn khai sau ngày 28/2/2022 đã trả bị cáo được thêm 50.000.000 đồng nợ gốc, chỉ còn nợ lại 50.000.000 đồng nợ gốc, tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận việc này.

Những người làm chứng là cháu Vũ Kim Q khai tại giai đoạn điều tra: cháu Q trực tiếp chứng kiến việc M cho anh Nguyễn Tiến D vay tiền, ngay sau đó chứng kiến việc cơ quan công an huyện Bình Giang phối hợp với CA xã Nhân Quyền bắt quả tang, lập biên bản sự việc với sự có mặt của cơ quan công an, cháu Q, anh D, bị cáo M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản sự việc cho vay do cơ quan điều tra lập, kết luận giám định chữ viết, lời khai người làm chứng và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên

có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 29/11/2021 đến ngày 09/3/2022, tại thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Quốc M cho anh Trần Đình H vay 200.000.000 đồng với mức lãi suất từ 108,3% đến 109,5%/1 năm; cho anh Nguyễn Tiến D vay 10.000.000 đồng với mức lãi suất 202,78%/1 năm (gấp 5 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự). Tổng số tiền M cho vay là 210.000.000 đồng, thu lợi bất chính 46.984.931 đồng.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế do pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện hành vi trên là có lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa phạm tội, vi phạm hành chính lần nào.

[4]. Bị cáo thành khẩn khai báo; có bố, mẹ đẻ đều có công với đất nước, được tặng thưởng huân chương kháng chiến; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo và xác định mức phạt tiền mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, không chấp nhận ý kiến đề nghị giảm nhẹ của bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền vì đã áp dụng là hình phạt chính. Bị cáo làm nghề sửa chữa xe máy, không liên quan đến thực hiện hành vi phạm tội nên không áp dụng phạt bổ sung là cấm hành nghề.

[6]. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

Số tiền 10.000.000 đồng cho anh D vay, do Nguyễn Quốc M tự giao nộp, là công cụ thực hiện tội phạm, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền 200.000.000 đồng M cho anh H vay là công cụ thực hiện tội phạm cần truy thu nộp ngân sách nhà nước. Do anh H đã trả lại bị cáo 150.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng, nên cần truy thu của bị cáo 150.000.000 đồng và truy thu từ anh H 50.000.000 đồng.

Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà M đã thu của người vay, gồm của anh H là 9.972.603 đồng, của anh D là 49.315 đồng, tổng cộng 10.021.918 đồng cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

Như vậy, tổng số tiền cần truy thu của bị cáo là: 160.021.918 đồng.

Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là tiền thu lợi bất chính, gồm: thu của anh H 44.027.397 đồng, thu của anh D 450.685 đồng. Do anh H, anh D sử dụng

tiền vay vào việc cá nhân không vi phạm pháp luật, nên cần buộc bị cáo hoàn trả khoản tiền thu lời bất chính trên cho người vay.

Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng mà anh H xin gia hạn nợ đến 28/3/2022, bị cáo chưa thu được khoản tiền lãi thực tế nào, nên không xem xét việc truy thu tiền lãi.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, BKS 34A-509.41; 01 chứng M nhân dân mang tên Trần Đình H, ngày 25/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại anh Trần Đình H; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tiến D, 01 xe mô tô BKS 34F1-322.27 kèm đăng ký xe, ngày 26/5/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại anh Nguyễn Tiến D là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 01 giấy biên nhận vay tiền đề tên người vay là Trần Đình H, đề số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ 29/11/2021 đến 29/12/2021, 01 giấy biên nhận vay tiền đề tên người vay là Trần Đình H, đề số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay từ 29/12/2021 đến 29/01/2022; 01 giấy biên nhận vay tiền mặt đề tên người vay là Nguyễn Tiến D, số tiền vay là 10.000.000 đồng, thời gian vay từ 28/2/2022 đến 09/3/2022: Đây là những tài liệu, chứng cứ đã được lưu trong hồ sơ vụ án, nên không phải xem xét, xử lý.

[7]. Bị cáo bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác M, xác định được chị Vũ Thị N là vợ bị cáo M không liên quan đến việc bàn bạc, cũng như số tiền M sử dụng cho vay, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với chị N là phù hợp. Đối với ông Vũ Đình L là người cho bị cáo vay tiền, nhưng không biết việc bị cáo sử dụng tiền vào việc thực hiện tội phạm, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với ông L là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc M 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.000.000 đồng được niêm phong trong phong bì thư, hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự theo biên

bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2022.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Quốc M để nộp ngân sách nhà nước số tiền 160.021.918 (một trăm sáu mươi triệu không trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám) đồng.

Truy thu của anh Trần Đình H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Trần Đình H số tiền 44.027.397 (bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng và hoàn trả cho anh Nguyễn Tiến D số tiền 450.685 (bốn trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của khoản phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường